

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1580/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:..... 7.984.....
	Ngày:..... 10/9.....

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Khu kinh tế) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm 15 xã, phường: Các phường An Lộc, An Thịnh, An Lạc, các xã Tân Hội, Bình Thạnh thuộc thị xã Hồng Ngự; các xã Thường Phước 1, Thường Phước 2, Thường Thới Hậu A, Thường Thới Hậu B, Thường Lạc, Thường Thới Tiền thuộc huyện Hồng Ngự; các xã Bình Phú, Tân Hộ Cơ, Thông Bình và thị trấn Sa Rài thuộc huyện Tân Hồng.

Ranh giới địa lý được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Prây Veng - Campuchia.
- Phía Nam giáp các xã thuộc huyện Hồng Ngự và Tân Hồng.
- Phía Đông giáp huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.
- Phía Tây giáp huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, ngăn cách qua sông Tiền.

2. Tính chất:

- Là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp gắn với các cửa khẩu quốc tế.

- Là trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa các nước tiểu vùng sông Mekong, trước hết trong quan hệ với Campuchia.

- Là khu vực đô thị biên giới có ảnh hưởng và lan tỏa thúc đẩy sự phát triển vùng phía Bắc tỉnh Đồng Tháp.

- Có ý nghĩa quan trọng về an ninh, quốc phòng.

3. Dự báo quy mô dân số, đất đai:

a) Dân số:

- Đến năm 2020 quy mô dân số khoảng 190.000 - 200.000 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 100.000 - 110.000 người.

- Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 240.000 - 250.000 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 170.000 - 180.000 người.

b) Đất đai:

- Đến năm 2020: Nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị đạt khoảng 1.500 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 1.100 ha; đất khu phi thuế quan khoảng 250 ha.

- Đến năm 2030: Nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị đạt khoảng 2.400 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 1.800 ha; đất khu phi thuế quan khoảng 510 ha.

4. Định hướng phát triển không gian:

a) Cấu trúc phát triển không gian:

Cấu trúc không gian Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp được hình thành theo mô hình đô thị trung tâm Hồng Ngự và hai hành lang đô thị (hành lang Dinh Bà - Sa Rài và hành lang Thường Phước - Thương Thới) gắn với hai cửa khẩu quốc tế dựa trên các tuyến quốc lộ N1, 30, 30B và tỉnh lộ 841.

Cấu trúc lưu thông Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp bao gồm các trục giao thông đường bộ: Quốc lộ N1, 30, 30B; tỉnh lộ 841, 842, 843 và các trục giao thông thủy: Sông Tiền, sông Sở Hạ và các tuyến kinh dọc.

Các vùng phát triển bao gồm:

- Các khu vực cửa khẩu, gồm các khu quản lý kiểm soát cửa khẩu tại hai cửa khẩu quốc tế và năm cửa khẩu phụ; các khu phi thuế quan tại hai cửa khẩu quốc tế là các công trình thương mại dịch vụ và công nghiệp.

- Các đô thị bao gồm một phần thị xã Hồng Ngự, thị trấn Sa Rài, thị trấn Thường Thới, đô thị cửa khẩu Dinh Bà, đô thị cửa khẩu Thường Phước.

- Các khu vực dân cư nông thôn bao gồm các tứ, trung tâm xã, các cụm tuyến dân cư nông thôn.

- Các vùng nông nghiệp, cảnh quan, không gian mở bao gồm các vùng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, không gian du lịch sinh thái, không gian cây xanh cảnh quan và mạng lưới sông rạch.

b) Định hướng phát triển không gian đô thị:

- Thị xã Hồng Ngự:

+ Tính chất: Là đô thị loại 3, đô thị trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật và văn hóa phía Bắc và hành lang kinh tế biên giới tỉnh Đồng Tháp; là đô thị trung tâm về công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, thương mại, giao thương của Khu kinh tế; có vị trí an ninh - quốc phòng.

+ Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2020, dân số thị xã Hồng Ngự (phần nằm trong Khu kinh tế) khoảng 80.000 người, trong đó dân số đô thị là 58.000 người; đến năm 2030, dân số thị xã Hồng Ngự (phần nằm trong Khu kinh tế) khoảng 115.000 người, trong đó dân số đô thị là 90.000 người.

+ Quy mô đất xây dựng đô thị: Dự kiến đến năm 2020, đất xây dựng đô thị khoảng 640 ha; đến năm 2030 khoảng 1035 ha.

- Định hướng phát triển không gian:

+ Định hướng phát triển không gian của thị xã Hồng Ngự dựa trên cấu trúc lưu thông vùng là sông Tiền và quốc lộ N1, 30. Hướng phát triển chính: Phía Bắc tiếp cận quốc lộ N1 và phía Nam dọc theo sông Tiền và giới hạn tuyến tránh quốc lộ 30 về phía Đông.

+ Các trung tâm cấp vùng như dịch vụ thương mại, thể dục thể thao bố trí ở phía Bắc, tiếp cận quốc lộ N1.

+ Trung tâm hành chính, dịch vụ công cộng thị xã Hồng Ngự bên bờ sông Tiền và hai bên bờ kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, gần với khu vực đô thị hiện hữu.

+ Vùng du lịch sông nước được tổ chức về phía Bắc thị xã Hồng Ngự, giữa sông Sở Thượng và sông Sở Hạ.

- Thị trấn Sa Rài:

+ Tính chất: Là đô thị trung tâm huyện Tân Hồng, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, kỹ thuật huyện Tân Hồng; đầu mối giao thông đường bộ của hành lang kinh tế biên giới tỉnh Đồng Tháp.

+ Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2020, dân số thị trấn khoảng 16.000 người; đến năm 2030 là 25.000 người.

+ Quy mô đất xây dựng đô thị: Dự kiến đến năm 2020, đất xây dựng đô thị khoảng 240 ha; đến 2030 khoảng 380 ha.

+ Định hướng phát triển không gian:

. Hướng phát triển trên cơ sở khai thác các quốc lộ N1, 30;

. Cụm tiêu thụ công nghiệp bố trí về phía Tây của thị trấn, tiếp cận quốc lộ N1 (hiện nay là quốc lộ 30).

- Thị trấn Thường Thới:

+ Tính chất: Là đô thị trung tâm huyện lỵ huyện Hồng Ngự, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, kỹ thuật huyện Hồng Ngự; là đầu mối giao thông thủy bộ của hành lang kinh tế biên giới.

+ Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2020, dự báo dân số khoảng là 12.000 người; đến 2030 là 25.000 người.

+ Quy mô đất xây dựng đô thị: Dự kiến đến 2020, đất xây dựng đô thị khoảng 230 ha; đến 2030 khoảng 360 ha.

+ Định hướng phát triển không gian:

- . Hướng phát triển trên cơ sở khai thác trục quốc lộ N1 và tỉnh lộ 841;
- . Khai thác sông Tiền về mặt cảnh quan và giao thông thủy cho thị trấn;
- . Khu tiểu thủ công nghiệp được bố trí về phía Đông Bắc của thị trấn, tiếp cận quốc lộ N1.

- Đô thị cửa khẩu Dinh Bà:

+ Tính chất: Là Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia; là đầu mối giao thông đường bộ, trung tâm giao thương về kinh tế văn hóa; là trung tâm thương mại, công nghiệp. Có vị trí an ninh - quốc phòng.

+ Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2020, dân số đô thị cửa khẩu khoảng 12.000 người; đến năm 2030, là 25.000 người.

+ Quy mô đất xây dựng đô thị: Dự kiến đến năm 2020, đất xây dựng đô thị khoảng 400 ha, trong đó khu kiểm soát cửa khẩu và khu phi thuế quan chiếm 168 ha. Đến năm 2030, dự kiến đất xây dựng đô thị khoảng 748 ha, trong đó khu kiểm soát cửa khẩu và khu phi thuế quan chiếm 362 ha.

+ Định hướng phát triển không gian:

. Hình thành trên cơ sở phát triển không gian đô thị từ cửa khẩu quốc tế Dinh Bà đến trung tâm xã Tân Hội Cơ;

. Khu quản lý cửa khẩu nằm tiếp giáp với biên giới về phía Tây Bắc của đô thị và phía Tây quốc lộ 30;

. Khu phi thuế quan nằm cạnh cửa khẩu quốc tế và biên giới về phía Đông Bắc quốc lộ 30;

. Trung tâm hành chính, dịch vụ của đô thị cửa khẩu có vị trí phía Nam.

- Đô thị cửa khẩu Thường Phước:

+ Tính chất: Là Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế đường thủy, bộ giữa Việt Nam và Campuchia; là đầu mối giao thương đường bộ, đường thủy; là trung tâm giao thương về kinh tế văn hóa, thương mại, dịch vụ du lịch, công nghiệp. Có vị trí an ninh - quốc phòng.

+ Quy mô dân số: Dự báo đến 2020, dân số đô thị cửa khẩu khoảng 10.000 người; đến 2030, là 15.000 người.

+ Quy mô đất xây dựng đô thị: Dự kiến, đến năm 2020, đất xây dựng đô thị khoảng 240 ha, trong đó đất khu kiểm soát cửa khẩu và khu phi thuế quan chiếm 94 ha. Đến năm 2030, dự kiến đất xây dựng đô thị khoảng 380 ha, trong đó đất khu kiểm soát cửa khẩu và khu phi thuế quan chiếm 166 ha.

+ Định hướng phát triển không gian:

. Hình thành trên cơ sở phát triển không gian đô thị từ cửa khẩu quốc tế Thường Phước đến kênh Tứ Thường, dọc theo tỉnh lộ 841;

. Khu quản lý cửa khẩu và khu thương mại phi thuế quan nằm về phía Bắc của đô thị, dọc theo sông Tiền;

. Khu công nghiệp phi thuế quan nằm về phía Đông tỉnh lộ 841;

. Khu dịch vụ hậu cần cảng sông gắn với sông Tiền và có sự nối kết với khu công nghiệp;

. Trung tâm hành chính, dịch vụ của đô thị cửa khẩu có vị trí phía Nam.

c) Định hướng phát triển không gian khu kiểm soát cửa khẩu, khu phi thuế quan và cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Khu kiểm soát cửa khẩu quốc tế:

Tổ chức tại cửa khẩu quốc tế đường bộ Dinh Bà và tại cửa khẩu quốc tế đường thủy, bộ Thường Phước. Cửa khẩu Dinh Bà có quy mô 12 ha và cửa khẩu Thường Phước có quy mô 6 ha.

- Khu phi thuế quan (khu thương mại - công nghiệp):

Khu phi thuế quan tại cửa khẩu quốc tế Dinh Bà, đến năm 2020 có diện tích khoảng 160 ha; đến năm 2030 có diện tích khoảng 350 ha.

Khu phi thuế quan tại cửa khẩu quốc tế Thường Phước, đến năm 2020 có diện tích khoảng 90 ha; đến năm 2030 có diện tích khoảng 160 ha.

- Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Tại hai đô thị cửa khẩu Dinh Bà và đô thị cửa khẩu Thường Phước có 03 cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với tổng diện tích 60 ha.

Tại thị trấn Sa Rài và thị trấn Thường Thới, mỗi thị trấn có 01 cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (quy mô 35 ha - 45 ha) sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ từ phụ phẩm nông nghiệp và các mặt hàng khác.

- Các cửa khẩu quốc gia và cửa khẩu phụ:

Bên cạnh 02 cửa khẩu quốc tế, Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp có 02 cửa khẩu quốc gia là Sở Thượng, Thông Bình và 03 cửa khẩu phụ gồm: Mộc Rá, Á Đôn, Bình Phú.

Quy mô phát triển không gian (gồm khu quản lý kiểm soát cửa khẩu, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư) tại các cửa khẩu trên như sau:

+ Cửa khẩu Thông Bình: 140 ha.

+ Cửa khẩu Sở Thượng: 125 ha.

+ Cửa khẩu Bình Phú: 100 ha.

+ Cửa khẩu Mộc Rá: 50 ha.

+ Cửa khẩu Á Đôn: 50 ha.

d) Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn:

Các khu dân cư nông thôn bao gồm các thị tứ, trung tâm xã, các cụm tuyến dân cư nông thôn được phân bố trong vùng sản xuất nông nghiệp theo các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy.

đ) Định hướng phân bố các trung tâm đô thị và chuyên ngành:

- Trung tâm đô thị:

Gồm các trung tâm hành chính và dịch vụ công cộng của thị xã Hồng Ngự, thị trấn Sa Rài, thị trấn Thường Thới, đô thị cửa khẩu Dinh Bà và đô thị cửa khẩu Thường Phước.

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng:

Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng có quy mô 28 ha đặt tại phía Bắc thị xã Hồng Ngự, trên quốc lộ N1; là trung tâm chuyên ngành có chức năng dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, hội chợ, hội nghị, giao lưu tiếp thị; là nơi tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại v.v. Khu vực này bố trí các công trình có chức năng thương mại - dịch vụ kết hợp với nhà ở chung cư, nhà ở liền kề.

- Trung tâm thể dục thể thao cấp vùng:

Trung tâm thể dục thể thao chuyên ngành, quy mô 48 ha, đặt tại phía Đông thị xã Hồng Ngự, cạnh quốc lộ 30; liên kết với không gian cây xanh của thị xã Hồng Ngự, bảo đảm phục vụ các hoạt động tập luyện và thi đấu thể dục thể thao cho Khu kinh tế và các huyện lân cận.

- Trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng:

Trung tâm giáo dục - đào tạo, quy mô 32 ha, bố trí tại phía Đông thị xã Hồng Ngự, cạnh quốc lộ 30, bao gồm trường cao đẳng, trường dạy nghề và trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Trung tâm y tế cấp vùng

Trung tâm y tế có quy mô 20 ha được bố trí tại trung tâm và phía Bắc thị xã Hồng Ngự.

e) Định hướng vùng sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Vùng phát triển nông nghiệp, quy mô khoảng 23.883 ha: Nằm ngoài khu vực phát triển đô thị và khu phi thuế quan. Phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng trên nền cây lúa, rau màu, cây ăn quả, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; phát triển vùng trồng các loại nông sản có thể mạnh phục vụ xuất khẩu.

- Vùng phát triển nông thôn: Dựa trên các khu vực dân cư nông thôn (quy mô khoảng 1.150 ha), bao gồm các thị tứ, trung tâm xã, các cụm tuyến dân cư nông thôn phân bố theo các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy. Xây dựng và phát triển theo Chương trình xây dựng Nông thôn mới của Tỉnh.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

(đơn vị: ha)

STT	Loại đất	Diện tích (2020)	Diện tích (2030)
	Tổng diện tích đất	31.936	31.936
I	Khu kiểm soát cửa khẩu	12	18
II	Khu phi thuế quan	250	510
III	Đất xây dựng đô thị	1.476	2.357
1	Đất dân dụng	1.083	1.774
2	Đất ngoài dân dụng	393	584
IV	Đất khác	30.198	29.051
1	Đất KTKT (bãi rác + nghĩa trang)	0	35
2	Đất ở nông thôn	800	1.150
3	Đất sản xuất nông nghiệp	24.208	22.433
4	Đất nông nghiệp (vùng cho phép ngập)	1.450	1.450
5	Đất an ninh - quốc phòng	45	45
6	Đất tiêu thụ công nghiệp	10	13
7	Hồ điều hòa kết hợp cây xanh	500	500
8	Đất giao thông	360	600
9	Mặt nước tự nhiên (sông, rạch)	2.825	2.825

6. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

- Các vùng kiểm soát kiến trúc cảnh quan đô thị bao gồm vùng kiểm soát thị xã Hồng Ngự, vùng kiểm soát đô thị Sa Rài, đô thị Thường Thới, đô thị cửa khẩu Thường Phước, đô thị cửa khẩu Dinh Bà.

- Các trục không gian chủ đạo của Khu kinh tế bao gồm các trục chính đi qua các đô thị như quốc lộ N1, 30, tỉnh lộ 841, 843.

- Các công trình điểm nhấn bao gồm khu quản lý kiểm soát cửa khẩu và Quốc môn tại hai cửa khẩu quốc tế Thường Phước và Dinh Bà; các công trình trung tâm chuyên ngành cấp vùng và trung tâm dịch vụ công cộng được bố trí gắn với các trục chính đô thị và tại các cửa ngõ đô thị.

- Khu vực thị xã Hồng Ngự có mật độ xây dựng cao nhất; khu phi thuế quan tại hai cửa khẩu quốc tế Thường Phước và Dinh Bà có mật độ xây dựng trung bình; các đô thị Sa Rài và Thường Thới có mật độ xây dựng thấp.

- Các khu vực có mật độ xây dựng cao (không quá 80%) là các khu vực trung tâm cải tạo chỉnh trang.

- Các khu vực có mật độ xây dựng trung bình (không quá 50%) là khu vực xây mới, mở rộng tại các đô thị, gồm các khu vực dân cư và các trung tâm chuyên ngành.

- Các khu vực mật độ xây dựng thấp (không quá 30%) gồm các khu vực ven đô thị, các khu dân cư mật độ thấp và các điểm dân cư nông thôn tập trung.

- Thị xã Hồng Ngự: Tầng cao tối đa là 10 tầng. Các đô thị Sa Rài, Thường Thới, đô thị cửa khẩu Dinh Bà, Thường Phước: Tầng cao tối đa là 6 tầng.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

- Giao thông đường bộ:

(*) Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến quốc lộ N1 chạy dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, đoạn qua khu vực sẽ theo các tỉnh lộ 843, 841 và quốc lộ 30 đi Tân Châu, An Giang.

+ Quốc lộ 30 là tuyến chính nối kết vùng Cao Lãnh với Khu kinh tế. Đoạn qua thị xã Hồng Ngự sẽ trở thành trục chính của thị xã Hồng Ngự và xây dựng tuyến quốc lộ 30 mới tránh về phía Đông của Thị xã. Đoạn đi qua cửa khẩu Dinh Bà theo tuyến hiện hữu nối sang Campuchia.

+ Tuyến quốc lộ 30B triển khai xây dựng từ quốc lộ 1A (tại vị trí trên địa phận tỉnh Tiền Giang) theo tỉnh lộ 845 đi tới khu vực cửa khẩu Dinh Bà.

+ Tuyến các tỉnh lộ 841, 842 và 843 là các tuyến giao thông đối ngoại quan trọng tạo động lực phát triển của vùng, gắn kết khu vực với các tỉnh thành xung quanh và các vị trí cửa khẩu.

Ngoài ra có một số tuyến đường chính của Khu kinh tế có tính chất đối ngoại nối với Campuchia qua các cửa khẩu:

+ Tuyến Thường Thới Tiền - Sở Thượng: Bắt đầu từ nút giao với quốc lộ NI tới cửa khẩu Sở Thượng, sau đó gắn kết tỉnh lộ của Campuchia.

+ Tuyến Thường Lạc - Mộc Rá: Kết nối thị xã Hồng Ngự đi cửa khẩu Mộc Rá, sau đó gắn kết với trục tỉnh lộ của Campuchia.

+ Tuyến dọc kênh Thống Nhất: Là tuyến phụ nối kết tỉnh lộ 842, quốc lộ NI với cửa khẩu Á Đôn.

(*) Giao thông đối nội:

Huyện lộ: Nâng cấp và nhựa hóa các tuyến đường huyện lộ, làm mới một số tuyến kết nối thị xã Hồng Ngự, thị trấn Sa Rài tới các cửa khẩu kinh tế, tạo thành mạng lưới đường bộ thông suốt, thuận tiện. Tiêu chuẩn đường cấp IV, đoạn qua các đô thị đạt cấp III.

(*) Giao thông đô thị:

+ Phát triển mạng lưới giao thông đô thị hiện đại, nhựa hóa 100%, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, liên hệ trong và ngoài đô thị.

+ Các tuyến đường của thị xã, thị trấn hiện hữu chủ yếu sẽ được chỉnh trang, điều chỉnh thành đường nội đô.

+ Hệ thống giao thông hình thành đồng bộ, đảm bảo đầu nối các khu vực chức năng thành một thể thống nhất. Đề xuất các trục chính trung tâm của thị xã Hồng Ngự và thị trấn Sa Rài có lộ giới từ 30 m - 44 m; các đường khu vực có lộ giới dự từ 19 m - 20,5 m; tuyến quốc lộ 30 qua thị xã Hồng Ngự là đường chính đô thị có lộ giới 26 m.

(*) Giao thông nông thôn:

+ Phát triển mạng lưới đường hiện có phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải, kết nối liên hoàn với hệ thống đường quốc gia, đường tỉnh và đường huyện.

+ Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường, đầu tư các trục đường liên xã, liên thôn, cứng hóa mặt đường và đồng bộ hóa cầu cống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Đến năm 2025 có 90% - 100% đường xã, liên xã đạt cấp kỹ thuật (tiêu chuẩn nền và mặt đường nông thôn loại A, B). Bề rộng mặt cắt đường nội bộ trong khu dân cư nông thôn phải đảm bảo ≥ 4 m.

(*) Giao thông công cộng:

Tổ chức các tuyến giao thông công cộng bằng xe buýt trên các trục đường chính gắn các điểm đô thị tới các khu du lịch, cửa khẩu:

+ Tuyến Thường Phước - Thường Thới Tiền - thị xã Hồng Ngự - thị trấn Sa Rài - Dinh Bà.

+ Tuyến dọc khu cửa khẩu Thường Phước - Sở Thượng - Mộc Rá - Á Đôn - Bình Phú - Dinh Bà.

+ Tuyến Thường Thới Tiền - Sở Thượng - Mộc Rá - Thị xã Hồng Ngự - Á Đôn - Sa Rài.

(*) Giao thông quốc phòng:

Xây dựng và cải tạo đường tuần tra biên giới (hai làn xe) dọc biên giới Việt Nam - Campuchia.

(*) Công trình phục vụ giao thông:

Bến xe: Xây dựng mới 05 bến xe tại khu vực, bao gồm 02 bến xe liên tỉnh tại thị xã Hồng Ngự và thị trấn Sa Rài, 03 bến xe trung chuyển, bến xe buýt tại cửa khẩu Thường Phước, cửa khẩu Dinh Bà và khu đô thị Thường Thới Tiền.

Bãi đỗ xe: Xây dựng các bãi đỗ xe buýt, xe du lịch tại các cửa khẩu phụ như Sở Thượng, Mộc Rá, Á Đôn và tại các điểm du lịch trên địa bàn.

Nút giao thông: Tổ chức nút giao khác cốt hoặc đảo tròn tại các điểm giao giữa các quốc lộ với các trục chính đô thị.

- Giao thông đường thủy:

Khai thác tiềm năng các sông Tiền, sông Sở Thượng, sông Sở Hạ, kênh Hồng Ngự - Long An, sông Thông Bình phục vụ giao thông thủy. Các tuyến đường thủy quan trọng là kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, kênh Tân Thành - Lò Gạch. Kênh Sở Hạ - Cái Cỏ, kênh Sa Rài, Gò Bói, kênh Thống Nhất, Tân Thạnh...

b) San nền thoát nước mưa:

- San nền:

Thị xã Hồng Ngự, đô thị Thường Thới Tiền: Cao độ xây dựng $H = 5,50$ m, các khu vực xây dựng mới, đắp nền toàn bộ diện tích đất xây dựng có mật độ cao. Khu vực có mật độ thấp đắp nền cục bộ, khu vực cây xanh tập trung không đắp nền.

Các đô thị cửa khẩu Thường Phước và cửa khẩu Dinh Bà: Cao độ xây dựng $H = 6,00$ m - $6,50$ m (tùy theo địa hình). Khu vực phát triển mở rộng đắp nền đối với khu vực xây dựng tập trung, khu vực cây xanh tập trung sẽ giữ nguyên theo cao độ hiện trạng.

Thị trấn Sa Rài: Phần thị trấn hiện tại, chủ yếu được xây dựng trong đê bao, có cao độ xây dựng trung bình $H = 3,50$ m; phần diện tích phát triển mới, phía ngoài đê bao, cao độ xây dựng $H = 5,50$ m.

- Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa bao gồm phần cải tạo và phần xây dựng mới:

+ Cải tạo hệ thống hiện có: Nạo vét tu sửa các tuyến đã có tại thị xã Hồng Ngự, đô thị Thường Thới và thị trấn Sa Rài.

+ Xây dựng mới: Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với thoát nước bẩn và kết hợp giữa cống tròn, mương xây, mương hở và hồ chứa tại các đô thị trong Khu kinh tế.

+ Thị xã Hồng Ngự: Hệ thống thoát nước mưa tập trung thoát ra sông Sở Thượng, Sở Hạ, rạch Ong Nâu, kênh Trung...

+ Đô thị Thường Thới Tiền: Hệ thống thoát nước mưa thoát trực tiếp ra rạch Ong Tà, mương T Gốc, mương Miéc, sau đó chảy ra sông Tiền.

+ Đô thị cửa khẩu Thường Phước: Nước mưa được thoát vào kênh Thường Phước - Ba Nguyên và sông Tiền.

+ Đô thị cửa khẩu Dinh Bà: Hệ thống thoát nước mưa được thoát trực tiếp kênh Sa Rài, Gò Bói và sông Sở Hạ.

+ Thị trấn Sa Rài: Nước mưa được thoát ra kinh Sa Rài, kinh Sâm Sai - Gò Oi và một số kênh rạch khác.

c) Cấp nước:

- Nguồn nước cấp:

Nước mặt: Sông Tiền, sông Sở Thượng cấp nước cho các đô thị thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự.

Nước ngầm: Khai thác nước ngầm cấp cho các đô thị huyện Tân Hồng.

- Định hướng cấp nước đô thị:

(*) Thị xã Hồng Ngự:

Nhu cầu cấp nước: $Q_{(năm\ 2020)}=12.000\ m^3/ngày$; $Q_{(năm\ 2030)}=18.000\ m^3/ngày$

Nhà máy nước An Lộc (cấp cho toàn thị xã Hồng Ngự) có công suất $Q_{(năm\ 2020)}=16.500\ m^3/ngày$; $Q_{(năm\ 2030)}=26.000\ m^3/ngày$

(*) Đô thị Thường Thới Tiền:

Nhà máy nước $Q_{(năm\ 2020)}=3.000\ m^3/ngày$; $Q_{(năm\ 2030)}=6.000\ m^3/ngày$ cấp cho đô thị Thường Thới Tiền, khu dân cư xã Thường Phước 2 nằm dọc ĐT.841 và cụm công nghiệp 45 ha.

(*) Đô thị cửa khẩu Thường Phước:

Xây dựng nhà máy nước $Q_{(năm\ 2020)}=3.500\ m^3/ngày$; $Q_{(năm\ 2030)}=6.500\ m^3/cấp$ cho đô thị cửa khẩu, khu dân Thường Phước 1 và khu công nghiệp trong khu phi thuế quan.

(*) Thị trấn Sa Rài:

Tăng công suất nhà máy nước hiện hữu lên $Q_{(năm\ 2020)}=3.000\ m^3/ngày$; $Q_{(năm\ 2030)}=4.000\ m^3/ngày$ để cấp thêm cho cụm công nghiệp 35 ha.

(*) Đô thị cửa khẩu Dinh Bà:

Tăng công suất nhà máy nước hiện hữu lên $Q_{(\text{năm } 2020)}=3.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$;
 $Q_{(\text{năm } 2030)}=6.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tăng công suất nhà máy nước hiện hữu tại Tân Hội Cơ lên
 $Q_{(\text{năm } 2020)}=3.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$; $Q_{(\text{năm } 2030)}=6.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tổng công suất $Q_{(\text{năm } 2020)}=6.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, $Q_{(\text{năm } 2030)}=12.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$
cấp cho 02 khu dân cư và khu công nghiệp trong khu phi thuế quan.

(*) Các khu dân cư nông thôn:

Xã Thường Thới Hậu A gồm cửa khẩu Sở Thượng và dân cư dọc sông
Sở Thượng: Tăng công suất trạm cấp nước hiện nay từ $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$ lên
 $Q_{(\text{năm } 2030)}=200 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Xã Thường Thới Hậu B gồm cửa khẩu Mộc Rá và dân cư dọc sông
Sở Thượng: Tăng công suất trạm cấp nước hiện nay từ $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$ lên
 $Q_{(\text{năm } 2030)}=200 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

d) Cấp điện:

- Nguồn cấp điện:

Nguồn cấp điện giai đoạn đầu là trạm biến thế 110/22 kV - 2x40MVA
Hồng Ngự. Để đáp ứng cấp điện với các phụ tải lớn tại một số đô thị phát
triển thêm các trạm biến thế trung gian 110/22 kV.

Xây dựng thêm trạm 110/22 kV - 2x40MVA Sa Rài và trạm 110/22 kV -
2x25MVA Thường Phước. Tổng công suất các trạm 110 kV trong khu vực
quy hoạch là 210MVA.

- Mạng lưới điện:

Một số tuyến chính 22 kV hiện hữu sẽ được giữ lại, cải tạo nâng công
suất truyền tải và chuyển thành cáp ngầm.

Các tuyến 22 kV xây dựng mới là đường dây nổi, ở khu vực trung tâm
các đô thị sử dụng cáp ngầm. Các tuyến trung thế tạo thành các mạch vòng để
tăng độ an toàn trong cung cấp điện.

Các trạm hạ thế 22/0,4 kV là loại trạm hợp bộ hoặc trạm trong nhà.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Định hướng thoát nước thải cho từng đô thị:

(*) Thị xã Hồng Ngự:

Bố trí 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn thị xã: Tổng công suất
khoảng $11.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Dân cư ngoại thị: Nước thải được xử lý bằng bể tự hoại, thải trực tiếp ra cống thoát nước mưa hoặc kênh rạch.

(*) Đô thị Thường Thới Tiền:

Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất $Q_{(2030)}=3.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ kết hợp thu, xử lý nước thải của cụm công nghiệp 45 ha.

(*) Đô thị cửa khẩu Thường Phước:

Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất $Q_{(2030)}=4.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ kết hợp thu, xử lý nước thải khu công nghiệp trong khu phi thuế quan.

(*) Đô thị Sa Rài:

Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất $Q_{(2030)}=2.700 \text{ m}^3/\text{ngày}$ kết hợp thu, xử lý nước thải cụm công nghiệp 35 ha.

(*) Đô thị cửa khẩu Dinh Bà:

Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất $Q_{(\text{năm } 2030)}=2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Đối với khu công nghiệp (150 ha năm 2020; 260ha năm 2030): Xây dựng riêng trạm xử lý nước thải $Q_{(\text{năm } 2020)}=3.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và $Q_{(\text{năm } 2030)}=6.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Đối với dân cư sống theo cụm, tuyến: Nước thải phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải trực tiếp ra cống thoát nước mưa hoặc sông rạch.

- Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

(*) Quản lý chất thải rắn:

Tiêu chuẩn rác thải các đô thị: 0,8 - 1,0 kg/người/ngày.

Bãi rác hiện hữu tại xã Bình Thạnh sẽ được cải tạo nâng cấp lên diện tích 10 ha - 15 ha thành bãi rác của khu vực (gồm thị xã Hồng Ngự và các huyện lân cận). Xây dựng nhà máy xử lý rác theo công nghệ tiên tiến; thu gom trên 80% lượng rác khu vực hàng ngày.

(*) Nghĩa trang:

+ Thị xã Hồng Ngự:

Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Bình Thạnh (diện tích 7 ha - 10 ha) và mở rộng nghĩa trang hiện nay tại phường An Lạc (diện tích 10 ha - 15 ha) để làm công viên nghĩa trang.

+ Huyện Hồng Ngự:

Xây dựng nghĩa trang huyện (3 ha - 5 ha). Vị trí dự kiến ở xã Thường Thới Tiền.

+ Huyện Tân Hồng:

Xây dựng nghĩa trang huyện (3 ha - 5 ha). Vị trí dự kiến ở trên quốc lộ 30 cách Sa Rài khoảng 3 km. Từng bước đầu tư nhà tang lễ, đài hỏa thiêu theo công nghệ tiên tiến.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Dự án xây dựng khu quản lý kiểm soát tại cửa khẩu quốc tế Thường Phước và Dinh Bà.

- Các dự án đầu tư khu phi thuế quan (công nghiệp - thương mại - dịch vụ) tại cửa khẩu quốc tế Thường Phước và Dinh Bà.

- Các dự án đầu tư trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm đào tạo nghề, trung tâm y tế, trung tâm văn hóa thể thao cấp vùng tại thị xã Hồng Ngự.

- Các dự án đầu tư khu dân cư, khu tái định cư, tiểu thủ công nghiệp tại các đô thị trong Khu kinh tế.

- Nâng cấp quốc lộ 30 và tỉnh lộ 841, xây dựng tuyến tránh qua thị xã Hồng Ngự, hình thành một số trục chính tại các đô thị, đường chính đô thị cửa khẩu; xây dựng các bến xe khách và bãi đậu xe phục vụ nhu cầu xuất nhập cảnh.

- Xây dựng các nhà máy cấp nước phù hợp với kế hoạch phát triển đô thị và với kế hoạch ngành thủy lợi. Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước hiện hữu và hình thành mạng lưới cấp nước cho thị xã, thị trấn, đô thị cửa khẩu, khu quản lý cửa khẩu, khu phi thuế quan.

- Xây dựng các trạm biến áp 220KV, 110KV và các tuyến dây 220KV, 110KV cho các đô thị cửa khẩu, khu quản lý cửa khẩu, khu phi thuế quan.

- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải.

- Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp được phê duyệt.

2. Phối hợp với Bộ Xây dựng, tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp.

3. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, các khu dân cư nông thôn... phù hợp Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp.

4. Xây dựng cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật để Khu kinh tế trở thành động lực phát triển của tỉnh Đồng Tháp.

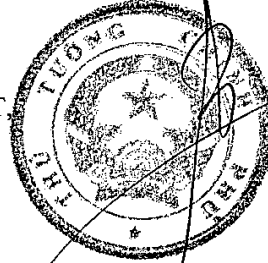
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: XD, CT, GTVT, KH&ĐT, TC, NN&PTNT, QP, NG, TN&MT, VH&DL;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Đồng Tháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, NC, V.III;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).KN 39

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải